

Số: 28 /TB-HĐBT

Hoàng Mai, ngày 07 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, thuộc Dự án “Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ” sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai thông báo:

1. Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai: (Có phương án chi tiết kèm theo)

2. Thời gian niêm yết 10 ngày: Bắt đầu từ ngày **07÷16/7/2026**.

3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Hoàng Mai, địa chỉ: khối 9, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Nhà văn hóa khối 17, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Cổng thông tin điện tử phường Hoàng Mai tại địa chỉ: <https://hoangmai.nghean.gov.vn/>

4. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến UBND phường Hoàng Mai (qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai, để được hướng dẫn, xem xét giải quyết; thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trong giờ hành chính).

Trong thời gian niêm yết, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có) để gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Hết thời gian niêm yết nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

5. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử phường đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường.



Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai đề nghị Trưởng khối 17 và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án niêm yết công khai được biết, phối hợp thực hiện./.

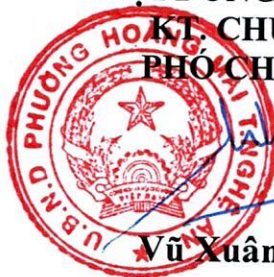
Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND phường (b/c);
- Các phòng: KT, HT và ĐT, VHXX
- Trưởng khối 17;
- Lưu: HĐBT.

TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG

KI. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Lượng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện GPMB dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, thuộc dự án “Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ” sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp

Đơn vị: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND phường Hoàng Mai

Hôm nay, ngày 02 tháng 7 năm 2026

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất bị thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Phan Minh An

(tài sản trên thửa 302)

Địa chỉ: Khôi 20, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

THÀNH PHẦN THAM GIA GỒM:

- | | | |
|---|-------------------------|--|
| 1 | Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó chủ tịch UBND thị xã, Chủ tịch Hội đồng; |
| 2 | Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 3 | Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT. Tổ trưởng; |
| 4 | Ông: Lê Đình Sỹ | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 5 | Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 6 | Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 7 | Bà: Phan Thị Ngọc Thùy | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 8 | Bà: Đặng Thị Thanh Hiền | Cán bộ hội đồng, thành viên Hội đồng; |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm tra, kiểm kê hiện trạng và các chế độ bồi thường, hỗ trợ hiện tại; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của chủ hộ trên như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI: (tài sản trên thửa 68, 308)

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc				31.121.000
1	Bê phốt xây tấp lô có nắp dẫy $V=3*2,5*1,7$	m3	12,75	1.975.000	25.181.000
-	Cửa cổng lưới B40 khung sắt vuông đã sơn S=2*6	m ²	12	495.000	5.940.000
B	Cây cối, hoa màu:				0

III. TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	Tiền đất		0
B	Tài sản trên đất		
1	Vật kiến trúc		31.121.000
2	Cây cối, hoa màu		0
	Tổng cộng:		31.121.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ: 0

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 31.121.000

Bằng chữ: Ba mươi một triệu, một trăm hai mươi một nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN
DỰ ÁN CẢI THIẾN CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ HOÀNG MAI



Nguyễn Hoàng Sơn

Đặng Thị Thanh Hiền

Chuyên viên phòng KT, HT &
ĐT

Cán bộ HD GPMB



Phan Thị
Ngọc Thuỳ

Lê Đình Sỹ
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT

Chuyên viên
phòng KT,
HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện GPMB dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, thuộc dự án “Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ” sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp

Đơn vị: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND phường Hoàng Mai

Hôm nay, ngày 02 tháng 7 năm 2026

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất bị thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Phạm Văn Trị

Nhân khẩu:

1

Địa chỉ: Khối 19, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

THÀNH PHẦN THAM GIA GỒM:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó chủ tịch UBND thị xã, Chủ tịch Hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 3 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT. Tổ trưởng; |
| 4 Ông: Lê Đình Sỹ | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 7 Bà: Phan Thị Ngọc Thùy | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 8 Bà: Đậu Thị Thanh Hiền | Cán bộ hội đồng, thành viên Hội đồng; |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026-QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định về việc phân cấp, ủy quyền quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026-QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.

Công văn số 465/KTHTĐT ngày 14/5/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Căn cứ trích đo số 691/2021/BĐĐC/VPĐK do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An phê duyệt ngày 18/11/2021

Căn cứ vào biên bản kiểm tra, kiểm kê hiện trạng và các chế độ bồi thường, hỗ trợ hiện tại; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của chủ hộ trên như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
2	Đất nông nghiệp (CLN) BD ĐC 20	337	200,0	73.000	14.600.000
	Cộng:		200,00		14.600.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục			Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc						5.420.000
1	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 20m, 1 cái			md	20	271.000	5.420.000
B	Cây cối, hoa màu:						26.000.000
STT	Loại cây	Sản lượng	Diện tích trồng (m2)	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cau TH			cây	40	250.000	10.000.000
2	Mít TH			cây	10	600.000	6.000.000
3	Chuối			bụi	60	50.000	3.000.000
4	Dừa TH			cây	20	350.000	7.000.000

III. TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	Tiền đất		14.600.000
B	Tài sản trên đất		
1	Vật kiến trúc		5.420.000
2	Cây cối, hoa màu		26.000.000
	Tổng cộng:		46.020.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

29.200.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

200,0 m² x 73.000 x 2 = 29.200.000

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 52,7 %)

Đã hỗ trợ 6 tháng tại Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND phường Hoàng Mai

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 75.220.000

Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN
DỰ ÁN CẢI THIẾN CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ HOÀNG MAI**



Nguyễn Hoàng Sơn

Chuyên viên phòng KT, HT &
ĐT



Đặng Thị Thanh Hiền

Cán bộ HD GPMB



Lê Đình Sỹ

Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Phan Thị

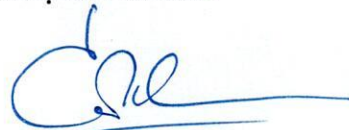
Ngọc Thuỳ

Chuyên viên
phòng KT,
HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài

Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình

Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện GPMB dự án: Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, thuộc dự án “Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ” sử dụng vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp

Đơn vị: Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai theo Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND phường Hoàng Mai

Hôm nay, ngày 02 tháng 7 năm 2026

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất bị thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Nguyễn Hữu Hòa và bà Lê Thị Lành **Nhân khẩu:** 5

Địa chỉ: Khôi 19, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

THÀNH PHẦN THAM GIA GỒM:

- | | | |
|---|------------------------|--|
| 1 | Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó chủ tịch UBND thị xã, Chủ tịch Hội đồng; |
| 2 | Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 3 | Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT & ĐT. Tổ trưởng; |
| 4 | Ông: Lê Đình Sỹ | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 5 | Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 6 | Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 7 | Bà: Phan Thị Ngọc Thùy | Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT. Thành viên; |
| 8 | Bà: Đậu Thị Thanh Hiền | Cán bộ hội đồng, thành viên Hội đồng; |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026-QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định về việc phân cấp, ủy quyền quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026-QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.

Căn cứ Công văn số 11344/UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác để thực hiện một số dự án trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Công văn số 465/KTHTĐT ngày 14/5/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Căn cứ báo cáo số 4448/BC-STC ngày 02/6/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 5/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ trích đo số 691/2021/BĐĐC/VPĐK do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập và được Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An phê duyệt ngày 18/11/2021

Căn cứ vào biên bản kiểm tra, kiểm kê hiện trạng và các chế độ bồi thường, hỗ trợ hiện tại; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất của chủ hộ trên như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất ở từ BĐĐC 20	68	200,0	2.000.000	400.000.000
2	Đất nông nghiệp cùng thửa đất ở (CLN) BĐ ĐC 20	68	590,7	73.000	43.121.000
	Cộng:		790,70		443.121.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc				894.457.000
1	Nhà ở gia đình 1 tầng, không có trần bê tông, nhà mái chày không có vĩa tầng đa, nền lát gạch liên doanh, tường xây gạch táp lô, mái lợp ngói, tường ốp gạch, móng nổi trên mặt đất 0,6m (chưa kể chiều sâu dưới mặt đất) S=7,9*6,5 h=3,3. phần thân nhà 88%	m2XD	51,35	3.035.000	135.587.000
-	Rui chông gỗ nhóm 4,5 S=(3,5*7,8)*1,2*1/2	m2	16,38	450.000	7.371.000
-	Nền lát gạch hoa (đã bao gồm bê tông lót nền) S=7,5*6	m2	45	302.000	13.590.000
-	Khấu trừ diện tích nền láng vữa xi măng S=7,5*6	m2	45	-117.000	-5.265.000
-	Ốp gạch tường S=(7,4*2,7)*2-(1,3*2)*4-(1*1,9)*2+(3,9*3,2)*2+(7,4*2,7)-(0,7*0,9)*2+(1,1*2)*2	m2	73,84	290.000	21.414.000
-	Gian thờ cúng mái bằng bê tông cốt thép nằm trong nhà S=1,4*2,6	m2XD	3,64	1.000.000	3.640.000
2	Nhà ở gia đình 1 tầng, không có trần bê tông, nhà vĩa tầng đa, nền lát gạch liên doanh, tường xây gạch tuynel, mái lợp ngói, tường sơn 1 mặt có bả, móng nhà 1m. S=6,6*6,2 h=3,4	m2XD	40,92	3.540.000	144.857.000

-	Rui chõng gổ nhóm 4,5 $S=(4,2*5,8)*1,2*1/2$	m2	14,616	450.000	6.577.000
-	Nền lát gạch hoa (đã bao gồm bê tông lót nền) $S=6,4*5,8$	m2	37,12	302.000	11.210.000
-	Khấu trừ diện tích nền láng vữa xi măng $S=6,4*5,8$	m2	37,12	-117.000	-4.343.000
-	Ốp gạch tường $S=5,8*2,7-1,2*2,4-1,14*1,8+0,8*1,5*2$	m2	13,128	304.000	3.991.000
-	Tường sơn 1 mặt có bả $S=6,6*6,2$	m2XD	40,92	130.000	5.320.000
3	Chuồng trại chăn nuôi làm bằng vật liệu khó cháy, tường xây tấp lô, da trát 2 mặt, mái lợp ngói đã bao gồm bê tông lót nền và móng tường $S=5*3,8$ $h=2, k=0,91, k=0,92$	m2XD	19	1.495.000	23.781.000
4	Sân nền BT đá dăm dày 10cm $S=5,3*8,3+11,6*2,6+6,5*3,2+3,3*2,1+5,6*1,5+6,2*3,6+7*1,3+9,6*3,2+2,3*3,5+9,7*1$	m2	190,17	134.000	25.483.000
5	Mái tôn tráng kẽm không tường bao $S=5,5*8,6+6,4*5+6,4*3,8$	m2	103,62	375.000	38.858.000
-	Máng xối tôn $md=7,9$	md	7,9	94.000	743.000
-	Rèm tôn $S=1,8*2,1+(5,5+8,6)*0,7*2$	m2	23,52	268.000	6.303.000
6	Tường xây tấp lô nằm da trát 2 mặt $S=9,7*0,2+13*1,5+22*1,5$	m2	54,44	182.000	9.908.000
-	Da trát tường 2 mặt $S=(9,7*0,2+13*1,5+22*1,5)*2$	m2	108,88	83.000	9.037.000
-	Móng xây bằng đá hộc $V=(13+22)*0,3*0,5+9,7*0,5*0,3$	m3	6,705	1.296.000	8.690.000
7	Lưới B40, khung cọc BTCT $S=14,4*1+16*1$	m2	30,4	189.000	5.746.000
8	Cột BTCT tiết diện 15x10, $h=2,5m$ 45 cột	md	112,5	222.000	24.975.000
9	Bể chứa nước xây bằng tấp lô, có nắp đáy bằng BTCT dày 10cm, $V=6,1*4,5*2,2$	m3	60,39	1.401.000	84.606.000
-	Bể chứa nước xây bằng gạch tuynl, có nắp đáy bằng BTCT dày 10cm, $V=2,4*3,5*2,2$	m3	18,48	1.401.000	25.890.000

10	Trụ cổng lõi BTCT, ốp gạch táp lô đã da trát, tiết diện 40x40, h=2m, 2 trụ	md	4	918.000	3.672.000
11	Cửa cổng bằng sắt hộp mã kẽm đã sơn, tiết diện 10x10 S=2,6*2,5	m2	6,5	1.100.000	7.150.000
12	Tường xây táp lô nghiêng da trát 2 mặt S=14,4*0,15+8,3*1,8	m2	17,1	143.000	2.445.000
-	Da trát 2 mặt	m2	34,2	83.000	2.839.000
-	Móng bằng đá hộc V=8,3*0,3*0,6	m3	1,494	1.296.000	1.936.000
-	3 cột tường bằng táp lô tiết diện 20*20 h=1,8	m3	0,216	1.349.000	291.000
13	Nhà bếp, tường xây gạch tuynel, mái tôn xộp chống nóng nền lát gạch hoa, có bàn ăn trong nhà, móng nhà 1m S=5,6*5,4 H=3, k=0,95	m2XD	30,24	2.785.000	80.007.000
-	Chênh lệch giá tôn xộp S=5,6*5,4	m2	30,24	90.000	2.586.000
-	Nền lát gạch hoa S=5,6*5,4	m2	30,24	302.000	8.676.000
-	Khấu trừ nền láng vữa xi măng S=5,6*5,4	m2	30,24	-117.000	-3.361.000
-	Tường ốp bằng gạch hoa liên doanh S=(5,1*2,8)*2+(4,5*2,8)*2-1*1,9-0,7*2-0,8*1,2	m2	49,5	290.000	13.637.000
14	Tường xây táp lô nghiêng không trát S=7*1,6+9,6*1,3+(16,6+19,4)*1,7	m2	84,88	143.000	12.138.000
-	Móng xây bằng đá hộc V=(7+9,6+16,6+19,4)*0,3*0,5	m3	7,89	1.296.000	10.225.000
15	Cửa cổng khung ống nước lưới B40 S=(0,9*1,5)*2+1,5*2	m2	5,7	495.000	2.822.000
16	Nhà vệ sinh xây gạch táp lô, tường quét vôi ve, mái BTCT S=1,7*1,4	m2XD	2,38	6.120.000	14.566.000
17	Nhà tắm trần BTCT. Tường xây gạch tuynel, ốp lát tường S=2,8*1,8	m2XD	5,04	7.295.000	36.767.000
18	Bê chứa nước xây táp lô nắp đầy phibro xi măng V=2*0,9*1,8+2,3*1,5*6,4	m3	25,32	1.401.000	35.473.000
-	Khấu trừ nắp đầy	m3	25,32	-292.000	-7.393.000

-	Mái phibro	m3	25,32	266.000	6.735.000
19	Lưới B40 khung sắt S=16,6*1,5	m2	24,9	220.000	5.478.000
20	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 50m 1 cái	md	50	317.000	15.850.000
-	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 20m, 2 cái	md	40	271.000	10.840.000
21	Bể chứa nước thải V=2,3*1*0,8	m3	1,84	2.151.000	3.958.000
-	Giảm trừ không có nắp đậy	m3	1,84	-292.000	-537.000
-	Bể chứa nước xấp tấp lô có nắp đậy BTCT 10cm V=1*1*1	m3	1	2.151.000	2.151.000
22	Giàn cho cây leo bằng tre nửa S=300m2	m2	300	35.000	10.500.000
23	Đường ống nước bằng nhựa Đk 27	md	15	79.000	1.185.000
-	Đường ống nước bằng nhựa Đk 34	md	40	133.000	5.320.000
-	Đường ống nước bằng nhựa Đk 48	md	4	133.000	532.000

B Cây cối, hoa màu: 41.616.000

STT	Loại cây	Sản lượng	Diện tích trồng (m2)	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Đậu rồng	0,1074	105	kg	11	15.000	85.000
2	Gấc			gốc	6	55.000	165.000
3	Mướp TH	1,6939	100	kg	169	10.000	847.000
4	Su hào	1,6939	200	kg	339	10.000	1.694.000
5	Cam TH	100%		cây	9	800.000	7.200.000
6	Mít TH	100%		cây	15	600.000	9.000.000
7	Nhãn TH	100%		cây	4	500.000	2.000.000

-	Nhãn TH	50%		cây	3	500.000	750.000
8	Bưởi TH	50%		cây	4	450.000	900.000
9	Na TH	50%		cây	21	400.000	4.200.000
-	Na TH	30%		cây	13	400.000	1.560.000
10	Cau TH	30%		cây	87	250.000	6.525.000
11	Ổi TH	30%		cây	11	300.000	990.000
12	Khế thu hoạch	30%		cây	3	400.000	360.000
13	Đinh lăng trồng từ 3-5 năm	30%		m2	50	19.000	285.000
14	Thanh Long còn nhỏ	30%		cây	70	35.000	735.000
15	Chanh TH	30%		cây	2	300.000	180.000
16	Đu đủ thu hoạch	30%		cây	6	50.000	90.000
17	Cau cao hơn 2m	30%		cây	70	150.000	3.150.000
18	Thanh Long TH	30%		cây	30	100.000	900.000

III. TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	Tiền đất		443.121.000
B	Tài sản trên đất		
1	Vật kiến trúc		894.457.000
2	Cây cối, hoa màu		41.616.000
	Tổng cộng:		1.379.194.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

604.139.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$590,7 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 86.242.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 14,3 %)

$$5 \text{ khẩu} \times 4 \text{ tháng} \times 30 \times 15.000 = 9.000.000$$

Hỗ trợ khác đất vườn cùng thửa đất ở nhưng không được công nhận là đất ở (Theo Công văn số 11344/UBND ngày 19/12/2024, Quyết định 31 ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh Nghệ An, Công văn số 1112/UBND ngày 22/6/2026 của UBND phường Hoàng Mai)				
590,70	m2	x	50% x (2.000.000-73.000)-86.242.000-9.000.000 =	473.897.000
4.	Hỗ trợ di chuyển trong phạm vi trên 1km đến 20km			5.000.000
5.	Hỗ trợ khác (thuê nhà theo Công văn số 1112/UBND ngày 22/6/2026 của UBND phường Hoàng Mai)			
6 tháng	x	5.000.000	đồng	= 30.000.000
Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:				1.983.333.000

Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI THIẾN CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ HOÀNG MAI



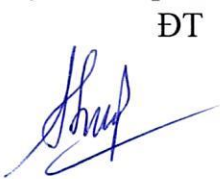
Nguyễn Hoàng Sơn

Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Đặng Thị Thanh Hiền

Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đình Sỹ

Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuỳ

Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài

Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình

P. Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI